

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN
VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2023	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023	8 – 9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc	10 – 38

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính riêng đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2023.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Lê Đình Hiến	Chủ tịch
Ông Nguyễn An Thái	Phó chủ tịch
Ông Hầu Văn Tuấn	Thành viên
Ông Phạm Gia Sâm	Thành viên
Ông Mai Nam Dương	Thành viên
Ông Lê Văn Quý	Thành viên
Ông Ngô Văn Minh	Thành viên

Danh sách các thành viên Bộ phận Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Thị Ngọc Đức	Trưởng bộ phận
Ông Trần Quang Thục	Thành viên
Bà Huỳnh Thị Quế Hương	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Phạm Hồng Hải	Trưởng ban – Bổ nhiệm ngày 01/05/2023
Bà Lê Thị Thủy	Trưởng ban – Miễn nhiệm ngày 01/05/2023
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên
Ông Trần Hùng Phương	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn An Thái	Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Hiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Cao Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Duyệt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Toàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Nam Đồng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Thanh Hòa	Phó Tổng Giám đốc
Bà Dương Thị Ngọc Ngân	Kế toán trưởng

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên của RSM Quốc tế.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính riêng được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính riêng.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn An Thái
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 08 năm 2023

Số: 32 /2023/SX-RSMHCM**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng, được lập ngày 25 tháng 08 năm 2023, từ trang 05 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

(Xem trang tiếp theo)

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



**Lục Thị Vân
Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0172-2023-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2023

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc, báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2023	Tại ngày 01/01/2023
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		379.015.436.274	308.295.048.936
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	53.259.841.351	82.429.250.184
1. Tiền	111		18.259.841.351	24.429.250.184
2. Các khoản tương đương tiền	112		35.000.000.000	58.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		200.569.789.091	94.939.351.809
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	73.204.808.828	70.310.511.776
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	80.319.035.837	21.403.269.072
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	67.915.975.174	24.084.150.106
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(20.870.030.748)	(20.858.579.145)
III. Hàng tồn kho	140	4.7	125.185.805.832	130.926.446.943
1. Hàng tồn kho	141		126.736.610.701	132.477.251.812
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.550.804.869)	(1.550.804.869)
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		398.051.197.063	417.763.569.480
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.171.551.554	2.323.367.269
1. Phải thu dài hạn khác	216	4.5	3.171.551.554	2.323.367.269
II. Tài sản cố định	220		296.426.972.293	314.930.885.173
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.9	289.376.098.697	307.779.356.945
Nguyên giá	222		672.929.665.873	665.114.572.410
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(383.553.567.176)	(357.335.215.465)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.10	7.050.873.596	7.151.528.228
Nguyên giá	228		12.052.846.299	12.052.846.299
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.001.972.703)	(4.901.318.071)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		3.840.764.622	6.533.461.447
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.8	3.840.764.622	6.533.461.447
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		78.428.640.000	78.213.640.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	4.2	78.428.640.000	78.213.640.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		16.183.268.594	15.762.215.591
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.11	16.183.268.594	15.762.215.591
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		777.066.633.337	726.058.618.416

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

Mẫu số B 01a - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2023	Tại ngày 01/01/2023
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		238.209.664.437	240.665.397.206
I. Nợ ngắn hạn	310		193.209.664.437	240.665.397.206
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.12	120.711.589.920	126.353.446.352
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.13	5.571.579.739	8.381.167.812
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.14	32.989.542.570	39.117.908.317
4. Phải trả người lao động	314		17.734.114.622	37.254.129.528
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.15	1.343.590.733	1.343.590.733
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.16	2.341.457.039	2.778.996.335
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.17	12.000.000.000	24.918.368.315
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		517.789.814	517.789.814
II. Nợ dài hạn	330		45.000.000.000	-
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.17	45.000.000.000	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		538.856.968.900	485.393.221.210
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.18	538.856.968.900	485.393.221.210
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		200.000.000.000	200.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200.000.000.000	200.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		247.393.221.210	175.569.068.669
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		91.463.747.690	109.824.152.541
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		91.463.747.690	109.824.152.541
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		777.066.633.337	726.058.618.416

Phê duyệt



Nguyễn An Thái
Tổng Giám đốc

Người lập

Dương Thị Ngọc Ngân
Kế toán trưởng

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 08 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

Mẫu số B 02a - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	4.20	492.507.687.501	478.871.108.307
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		492.507.687.501	478.871.108.307
3. Giá vốn hàng bán	11	4.21	361.787.208.204	372.121.839.552
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		130.720.479.297	106.749.268.755
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.22	13.959.793.212	12.718.792.901
6. Chi phí tài chính	22	4.23	1.937.417.553	151.237.055
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		<i>1.770.999.980</i>	<i>119.914.939</i>
7. Chi phí bán hàng	25	4.24	1.605.864.092	1.226.706.847
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	4.25	28.826.357.255	43.987.325.016
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		112.310.633.609	74.102.792.738
10. Thu nhập khác	31	4.26	3.142.053.493	797.561.444
11. Chi phí khác	32	4.27	1.650.638.914	243.834.771
12. Lợi nhuận khác	40		1.491.414.579	553.726.673
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		113.802.048.188	74.656.519.411
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4.29	22.338.300.498	12.548.018.389
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		91.463.747.690	62.108.501.022

Phê duyệt

Nguyễn An Thái
Tổng Giám đốc

Người lập

Dương Thị Ngọc Ngân
Kế toán trưởng

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 08 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		113.802.048.188	74.656.519.411
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	4.28	35.277.936.221	30.505.211.865
Các khoản dự phòng	03		11.451.603	638.283.196
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(1.192.911)	12.984.294
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(16.659.445.900)	(13.168.171.633)
Chi phí lãi vay	06		1.770.999.980	119.914.939
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		134.201.797.181	92.764.742.072
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(97.372.164.390)	(17.808.010.368)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		5.740.641.111	(10.455.705.345)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		77.716.279.879	11.994.175.349
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(421.053.003)	(629.142.542)
Tiền lãi vay đã trả	14		(1.981.802.897)	(119.914.939)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.14	(27.475.251.239)	(1.842.574.172)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		90.408.446.642	73.903.570.055
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(121.072.633.842)	(107.531.134.673)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		2.540.000.000	2.790.909.091
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(215.000.000)	(340.000.000)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.090.713.563	8.801.817.338
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(113.656.920.279)	(96.278.408.244)

(Xem trang tiếp theo)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	4.30	60.000.000.000	27.685.916.384
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	4.31	(27.918.368.315)	(17.685.916.384)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36	4.18.1	(38.000.000.000)	(10.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(5.918.368.315)	-
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG KỲ	50		(29.166.841.952)	(22.374.838.189)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		82.429.250.184	43.521.534.363
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(2.566.881)	9.583.087
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ (70 = 50+60+61)	70	4.1	53.259.841.351	21.156.279.261

Phê duyệt



Nguyễn An Thái
Tổng Giám đốc

Người lập



Dương Thị Ngọc Ngân
Kế toán trưởng

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 08 năm 2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 059249 ngày 28 tháng 05 năm 2003 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Lâm Đồng cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 05 tháng 08 năm 2022 để thay đổi vốn điều lệ.

Ngày 30 tháng 11 năm 2006, Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 91/UBCK-GPNY ngày 30 tháng 11 năm 2006 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước. Ngày 20 tháng 12 năm 2006, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Thông báo số 820/TTGDHCM-NY ngày 14 tháng 12 năm 2006 của Trung tâm giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 200.000.000.000 VND được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Tại ngày 30/06/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng	129.801.720.000	64,90	129.801.720.000	64,90
Các cổ đông khác	70.198.280.000	35,10	70.198.280.000	35,10
Cộng	200.000.000.000	100,00	200.000.000.000	100,00

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 là 620 (01 tháng 01 năm 2023 là: 602).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Khai thác khoáng sản, sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp giao thông, thủy lợi và nước sinh hoạt, san lấp mặt bằng;
- Kinh doanh vận chuyển hàng;
- Khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản;
- Hoạt động xuất nhập khẩu.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**1.4. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Công ty có các công ty con và các đơn vị trực thuộc như sau:

Tên	Ngành nghề hoạt động chính	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty con:					
Công ty TNHH Một Thành Viên Hiệp Thịnh Phát	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	87 Phù Đổng Thiên Vương, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.	100%	100%	100%
Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	Thôn Hiệp Thành, xã Tam Bốc, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.	94,39%	94,39%	94,39%
Công ty TNHH MTV Bê Tông LBM Đăk Nông	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	Thôn 12, xã Nhân Cơ, huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông.	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV LBM Tân Phú	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	Thửa đất 239, 289 TBĐ số 23, ấp Phú Hợp B, xã Phú Bình, huyện Tân Phú, Đồng Nai.	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV LBM Lộc Sơn	Sản xuất và kinh doanh bê tông	Khu Công nghiệp Lộc Sơn, phường Lộc Sơn, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.	100%	100%	100%

Các đơn vị trực thuộc tính đến 30 tháng 06 năm 2023 gồm:

Tên	Ngành nghề hoạt động chính	Địa chỉ
Xí Nghiệp Hiệp An	Kinh doanh ống sứ chịu nhiệt, bột Samốt, các sản phẩm sau nung và cao lanh.	Quốc Lộ 20, xã Hiệp An, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.
Xí Nghiệp Gạch Ngói Tuynel Thạnh Mỹ	Kinh doanh gạch xây dựng và ngói các loại.	Nghĩa Lập, xã Thạnh Mỹ, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng
Xí Nghiệp Hiệp Tiến	Kinh doanh cao lanh	Phường Lộc Tiến, thị xã Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng
Xí Nghiệp Bê Tông Hiệp Lực 1	Kinh doanh bê tông thương phẩm, đá xây dựng các loại, dịch vụ vận chuyển và bơm bê tông thương phẩm.	87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
Xí Nghiệp Bê Tông Hiệp Lực 2	Kinh doanh bê tông thương phẩm, đá xây dựng các loại, dịch vụ vận chuyển và bơm bê tông thương phẩm.	87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

<u>Tên</u>	<u>Ngành nghề hoạt động chính</u>	<u>Địa chỉ</u>
Xí nghiệp cung ứng nguyên vật liệu	Vận chuyển nguyên vật liệu	87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

Các chính sách kế toán áp dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 thống nhất với các chính sách kế toán đã áp dụng để lập báo cáo tài chính riêng năm 2022.

4. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Tại ngày 30/06/2023 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2023 VND</u>
Tiền mặt	155.169.660	2.012.650.922
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	18.104.671.691	22.416.599.262
Các khoản tương đương tiền (*)	35.000.000.000	58.000.000.000
Cộng	<u>53.259.841.351</u>	<u>82.429.250.184</u>

(*) Là các khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam có kỳ hạn 1 tháng với lãi suất từ 5,5% đến 6%/năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.2. Đầu tư vào công ty con

	Tại ngày 30/06/2023			Tại ngày 01/01/2023		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	20.403.640.000	(*)	-	20.403.640.000	(*)	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Hiệp Thịnh Phát	5.000.000.000	(*)	-	5.000.000.000	(*)	-
Công ty TNHH MTV Bê Tông LBM Đắc Nông	52.800.000.000	(*)	-	52.800.000.000	(*)	-
Công ty TNHH MTV LBM Tân Phú	15.000.000	(*)	-	10.000.000	(*)	-
Công ty TNHH MTV LBM Lộc Sơn	210.000.000	(*)	-	-	(*)	-
Cộng	78.428.640.000		-	78.213.640.000		-

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm Mục 4.32	3.094.483.978	8.685.675.856
Phải thu từ khách hàng:		
Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Bạch Việt	8.802.563.055	8.802.563.055
Công ty Cổ Phần Phước Hoà	4.747.548.750	4.747.548.750
Các khách hàng khác (*)	56.560.213.045	48.074.724.115
Cộng	73.204.808.828	70.310.511.776

(*) Tại ngày 30/06/2023, mỗi khoản phải thu các khách hàng khác có số dư nhỏ hơn 10% tổng số phải thu của khách hàng ngắn hạn.

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Trả trước cho người bán là các bên liên quan – Xem thêm Mục 4.32	5.266.241.878	4.512.000.000
Trả trước cho người bán:		
Ông Nguyễn Viết Lương (*)	8.195.416.799	8.195.416.799
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Khoáng sản Việt (**)	3.020.123.000	3.020.123.000
Ông Lê Hữu Chiến (***)	49.930.000.000	-
Công ty TNHH Công nghệ mới Nguyễn Vinh (****)	9.037.561.500	-
Các nhà cung cấp khác	4.869.692.660	5.675.729.273
Cộng	80.319.035.837	21.403.269.072

(*) Là khoản trả trước chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đối với các Thửa đất số 12, 238, 35, 27, 28, 29, 30, 31, 04, 198, 01, 05, 06, 32, 198, 50, 37, 03, 07, 10, 14, 18, 203 Tờ bản đồ số 48 (2013), 49 (2013), 61 (2013), 62 (2013) tọa lạc tại thôn Tân Phú, xã Ninh Gia, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng theo Hợp đồng ký kết ngày 08 tháng 11 năm 2019.

(**) Là khoản trả trước cho việc lập hồ sơ điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản và gia hạn giấy phép khai thác mỏ Cao Lanh khu vực xã Lộc Châu, thành phố Bảo Lộc và xã Lộc Tân, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng; gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản bentonite và sét gạch ngói số 37/GP-UBND ngày 11 tháng 05 năm 2007 tại xã Tam Bó, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

(***) Là khoản trả trước chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại thôn Gắn Reo, xã Liên Hiệp, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng theo Hợp đồng ký kết ngày 30 tháng 03 năm 2023.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

(****) Là khoản trả trước mua thiết bị dây chuyền nghiền đá tại mỏ Camly theo Hợp đồng ký kết ngày 05 tháng 05 năm 2023.

4.5. Phải thu khác

	Tại ngày 30/06/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các bên liên quan – Xem thêm Mục 4.32	22.549.572.092	-	13.682.695.831	-
Phải thu người lao động là các bên liên quan – Xem thêm Mục 4.32	37.950.000.000	-	4.600.000.000	-
Phải thu khác xí nghiệp xây lắp	4.425.873.866	(4.425.873.866)	4.425.873.866	(4.425.873.866)
Phải thu người lao động khác	1.864.796.263	-	551.425.266	-
Phải thu khác	1.125.732.953	(3.484.706)	824.155.143	(83.077.324)
Cộng	67.915.975.174	(4.429.358.572)	24.084.150.106	(4.508.951.190)
Dài hạn:				
Ký cược, ký quỹ	3.171.551.554	-	2.323.367.269	-

4.6. Nợ xấu

	Tại ngày 30/06/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn	26.291.536.049	9.850.863.873	18.253.752.380	1.904.124.425
Tổng giá trị các khoản phải thu khác quá hạn	15.330.036.881	10.900.678.309	4.510.476.190	1.525.000
Cộng	41.621.572.930	20.751.542.182	22.764.228.570	1.905.649.425

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn là thấp do một số khách hàng không thể liên lạc được và một số khách hàng đang tranh chấp.

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2023			Tại ngày 01/01/2023		
	VND			VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Bạch Việt	8.802.563.055	-	Trên 3 năm Từ 6 tháng đến trên 3 năm	8.802.563.055	-	Trên 3 năm Từ 6 tháng đến trên 3 năm
Các khách hàng khác	32.819.009.875	20.751.542.182		13.961.665.515	1.905.649.425	
Cộng	41.621.572.930	20.751.542.182		22.764.228.570	1.905.649.425	

4.7. Hàng tồn kho

	Tại ngày 30/06/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	84.266.414.025	-	85.985.319.409	-
Công cụ, dụng cụ	998.152.360	-	1.004.743.435	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.081.945.477	-	3.264.015.314	-
Thành phẩm	36.845.939.880	(835.242.862)	40.344.210.766	(835.242.862)
Hàng hóa	1.544.158.959	(715.562.007)	1.878.962.888	(715.562.007)
Cộng	126.736.610.701	(1.550.804.869)	132.477.251.812	(1.550.804.869)

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Xây dựng nhà văn phòng, bờ kè, sân bãi thuộc dự án Tân Phú	1.305.757.680	454.254.856
San lấp mặt bằng phía sau nhà xưởng thuộc dự án Hiệp An	917.876.197	917.876.197
Hệ Nghiền Cam ly	802.650.745	-
Dự án xây dựng nhà máy chế biến cao lanh Xuân Thọ	606.298.182	606.298.182
Đường dây bọc trung thế 3 pha 22KV và trạm biến áp thuộc dự án Di Linh	208.181.818	-
Mỏ đá Tây Đại Lào	-	4.555.032.212
Cộng	3.840.764.622	6.533.461.447

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cây lâu năm VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:							
Tại ngày 01/01/2023	83.873.367.570	303.207.956.907	274.882.066.361	2.314.161.814	520.611.939	316.407.819	665.114.572.410
Mua trong kỳ	-	-	10.485.836.363	-	-	-	10.485.836.363
Đầu tư XDCB hoàn thành	2.388.282.209	3.985.321.420	-	-	-	-	6.373.603.629
Thanh lý, nhượng bán	-	(4.991.519.256)	(4.052.827.273)	-	-	-	(9.044.346.529)
Tại ngày 30/06/2023	86.261.649.779	302.201.759.071	281.315.075.451	2.314.161.814	520.611.939	316.407.819	672.929.665.873
Giá trị hao mòn lũy kế:							
Tại ngày 01/01/2023	44.971.559.966	160.035.367.087	150.534.050.915	957.217.739	520.611.939	316.407.819	357.335.215.465
Khấu hao trong kỳ	3.761.763.998	12.720.737.895	18.508.197.546	186.582.150	-	-	35.177.281.589
Thanh lý, nhượng bán	-	(4.991.519.256)	(3.967.410.622)	-	-	-	(8.958.929.878)
Tại ngày 30/06/2023	48.733.323.964	167.764.585.726	165.074.837.839	1.143.799.889	520.611.939	316.407.819	383.553.567.176
Giá trị còn lại:							
Tại ngày 01/01/2023	38.901.807.604	143.172.589.820	124.348.015.446	1.356.944.075	-	-	307.779.356.945
Tại ngày 30/06/2023	37.528.325.815	134.437.173.345	116.240.237.612	1.170.361.925	-	-	289.376.098.697

Giá trị còn lại tại ngày 30/06/2023 của TSCĐ hữu hình là 146.755.809.609 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay - Xem thêm Mục 4.17.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 181.188.529.780 VND.

4.10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Chi phí thăm dò hàm mỏ VND	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
Nguyên giá:				
Tại ngày 01/01/2023	9.087.251.201	2.528.795.098	436.800.000	12.052.846.299
Tại ngày 30/06/2023	9.087.251.201	2.528.795.098	436.800.000	12.052.846.299
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Tại ngày 01/01/2023	1.935.722.973	2.528.795.098	436.800.000	4.901.318.071
Khấu hao trong kỳ	100.654.632	-	-	100.654.632
Tại ngày 30/06/2023	2.036.377.605	2.528.795.098	436.800.000	5.001.972.703
Giá trị còn lại:				
Tại ngày 01/01/2023	7.151.528.228	-	-	7.151.528.228
Tại ngày 30/06/2023	7.050.873.596	-	-	7.050.873.596

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình là 6.536.862.596 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm Mục 4.17.

Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 4.086.381.098 VND.



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.11. Chi phí trả trước dài hạn**

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Quyền khai thác khoáng sản	15.380.711.130	14.508.062.380
Chi phí khác	802.557.464	1.254.153.211
Cộng	16.183.268.594	15.762.215.591

Trong đó, quyền khai thác khoáng sản được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Quyền khai thác mỏ Nthon Hạ	1.235.004.613	1.016.935.659
Quyền khai thác mỏ Tutra	194.770.567	216.820.067
Quyền khai thác mỏ Đạị Lào	13.950.935.950	13.274.306.654
Cộng	15.380.711.130	14.508.062.380

4.12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm Mục 4.32	83.820.665.180	83.820.665.180	79.285.743.760	79.285.743.760
Phải trả cho người bán:				
Công ty TNHH Thiên Tự Phước	5.172.211.256	5.172.211.256	10.017.276.606	10.017.276.606
Công ty TNHH Hòa Thành Tiến	1.922.726.492	1.922.726.492	2.999.206.692	2.999.206.692
Phải trả cho các đối tượng khác (*)	29.795.986.992	29.795.986.992	34.051.219.294	34.051.219.294
Cộng	120.711.589.920	120.711.589.920	126.353.446.352	126.353.446.352

(*) Tại ngày 30/06/2023, mỗi khoản phải trả cho các đối tượng khác có số dư nhỏ hơn 10% tổng số phải trả người bán ngắn hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	-	4.091.297.291
Ông Nguyễn Văn Hoài	1.606.179.000	-
Các khách hàng khác	3.965.400.739	4.289.870.521
Cộng	<u>5.571.579.739</u>	<u>8.381.167.812</u>

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.14. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 30/06/2023	Trong kỳ		Tại ngày 01/01/2023
	VND	VND		VND
	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	10.715.710.623	21.369.143.793	17.315.454.259	6.662.021.089
Thuế xuất, nhập khẩu	-	155.257.090	155.257.090	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.730.720.542	22.338.300.498	27.475.251.239	22.867.671.283
Thuế thu nhập cá nhân	200.000.000	3.567.385.907	3.867.385.907	500.000.000
Thuế tài nguyên	715.749.154	5.899.607.909	10.315.730.349	5.131.871.594
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	3.334.010.082	3.436.986.272	3.097.436.801	2.994.460.611
Các loại thuế khác	293.352.169	1.422.764.949	2.091.296.520	961.883.740
Cộng	32.989.542.570	58.189.446.418	64.317.812.165	39.117.908.317

(Xem trang tiếp theo)



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Chi phí phải trả hoàn nguyên môi trường	1.343.590.733	1.343.590.733

4.16. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Kinh phí công đoàn	311.851.590	454.631.825
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.029.605.449	2.324.364.510
Cộng	2.341.457.039	2.778.996.335

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.17. Vay và nợ thuê tài chính**

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2023 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn:						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	-	-	16.385.629.515	16.385.629.515	16.385.629.515
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	-	-	-	8.532.738.800	8.532.738.800	8.532.738.800
Nợ dài hạn đến hạn phải trả	12.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000	-	-	-
Cộng	12.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000	24.918.368.315	24.918.368.315	24.918.368.315
Dài hạn:						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	45.000.000.000	45.000.000.000	60.000.000.000	15.000.000.000	-	-
Tổng cộng	57.000.000.000	57.000.000.000	72.000.000.000	39.918.368.315	24.918.368.315	24.918.368.315

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Thông tin chi tiết khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam như sau:

Hạn mức vay:	95.000.000.000 VND.
Thời hạn vay:	60 tháng.
Lãi suất:	9.3%/năm, áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh 06 tháng/lần vào các ngày đầu quý.
Mục đích vay:	Cho vay hoàn vốn tự có đối với các chi phí Công ty đã đầu tư 61 máy móc thiết bị và phương tiện vận tải phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
Tài sản đảm bảo bao gồm:	<ul style="list-style-type: none">- Những quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất thuê (nhà làm việc) tại 87 Đường Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng được nêu tại hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2023/590344/HĐBĐ ngày 28/03/2023 với giá trị định giá là 51.925.000.000 VND - Xem thêm các Mục 4.9 và 4.10.- Những máy móc thiết bị và phương tiện vận tải được nêu tại Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2023/590344/HĐBĐ ngày 29/03/2023 với giá trị định giá lần lượt là 10.500.000.000 VND và 38.110.000.000 VND - Xem thêm Mục 4.9.- Những máy móc thiết bị; phương tiện vận tải và thiết bị dụng cụ quản lý được nêu tại Hợp đồng thế chấp tài sản số 03/2023/590344/HĐBĐ ngày 29/03/2023 với giá trị định giá lần lượt là 54.500.000.000 VND; 4.300.000.000 VND và 200.000.000 VND - Xem thêm Mục 4.9.- Những phương tiện vận tải được nêu tại Hợp đồng thế chấp tài sản số 04/2023/590344/HĐBĐ ngày 29/03/2023 với giá trị định giá là 24.790.000.000 VND - Xem thêm Mục 4.9.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.18. Vốn chủ sở hữu****4.18.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	
	VND	VND	VND	VND	
Tại ngày 01/01/2022	100.000.000.000	60.570.786.237	155.809.763.831	69.188.518.601	385.569.068.669
Lãi trong 6 tháng đầu năm trước	-	-	-	62.108.501.022	62.108.501.022
Trích quỹ theo Nghị quyết 01/2022/NQ- ĐHĐCĐ-LBM ngày 23/04/2022	-	-	59.188.518.601	(59.188.518.601)	-
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2021	-	-	-	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)
Tại ngày 30/06/2022	100.000.000.000	60.570.786.237	214.998.282.432	62.108.501.022	437.677.569.691
Tăng vốn trong 6 tháng cuối năm trước	100.000.000.000	(60.570.786.237)	(39.429.213.763)	-	-
Lãi trong 6 tháng cuối năm trước	-	-	-	59.715.651.519	59.715.651.519
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2022	-	-	-	(12.000.000.000)	(12.000.000.000)
Tại ngày 01/01/2023	200.000.000.000	-	175.569.068.669	109.824.152.541	485.393.221.210
Lãi trong 6 tháng đầu năm nay	-	-	-	91.463.747.690	91.463.747.690
Trích quỹ theo Nghị quyết 01/2023/NQ- ĐHĐCĐ-LBM ngày 22/04/2023	-	-	71.824.152.541	(71.824.152.541)	-
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2022	-	-	-	(38.000.000.000)	(38.000.000.000)
Số dư tại ngày 30/06/2023	200.000.000.000	-	247.393.221.210	91.463.747.690	538.856.968.900

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.18.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Vốn góp của Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng	129.801.720.000	129.801.720.000
Vốn góp của các đối tượng khác	70.198.280.000	70.198.280.000
Cộng	200.000.000.000	200.000.000.000

4.18.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2023	Tại ngày 01/01/2023
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	20.000.000	20.000.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.18.4. Cổ tức đã trả

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Cổ tức đã trả trên tổng số của cổ phiếu phổ thông	(38.000.000.000)	(10.000.000.000)

4.18.5. Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ đầu tư phát triển VND
Tại ngày 01/01/2023	175.569.068.669
Trích trong kỳ	71.824.152.541
Tại ngày 30/06/2023	247.393.221.210

4.19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 30/06/2023	Tại ngày 01/01/2023
USD	7.699,62	976,17
	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Nợ khó đòi đã xử lý:		
Xóa sổ do không có khả năng thu hồi	3.856.779.443	3.856.779.443

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.20. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán than, bentonite và giao khoán mỏ - Văn phòng Công ty	30.269.101.797	32.380.906.301
Doanh thu gốm sứ chịu nhiệt – Xí nghiệp Hiệp An	16.873.217.075	16.759.809.943
Doanh thu gạch – Xí nghiệp Thạnh Mỹ	16.861.949.459	15.537.401.342
Doanh thu cao lanh – Xí nghiệp Hiệp Tiến	14.067.214.390	5.261.862.546
Doanh thu bê tông – Xí nghiệp Hiệp Lực	414.436.204.780	408.931.128.175
Cộng	<u>492.507.687.501</u>	<u>478.871.108.307</u>
Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan – Xem thêm Mục 4.32	18.466.962.497	16.486.387.613

4.21. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn than, bentonite và giao khoán mỏ - Văn phòng công ty	21.376.679.734	24.312.750.849
Giá vốn gốm sứ chịu nhiệt – Xí nghiệp Hiệp An	12.548.118.687	12.714.282.800
Giá vốn gạch – Xí nghiệp Thạnh Mỹ	11.560.614.464	10.679.304.222
Giá vốn cao lanh – Xí nghiệp Hiệp Tiến	10.843.151.889	4.491.484.455
Giá vốn bê tông – Xí nghiệp Hiệp Lực	305.458.643.430	319.924.017.226
Cộng	<u>361.787.208.204</u>	<u>372.121.839.552</u>

4.22. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi	584.422.836	38.517.338
Cổ tức, lợi nhuận được chia – Xem thêm Mục 4.32	13.373.166.988	12.675.245.550
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.203.388	5.030.013
Cộng	<u>13.959.793.212</u>	<u>12.718.792.901</u>

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.23. Chi phí tài chính**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí lãi vay	1.770.999.980	119.914.939
Lỗi chênh lệch tỷ giá	166.197.159	12.984.294
Chi phí tài chính khác	220.414	18.337.822
Cộng	1.937.417.553	151.237.055

4.24. Chi phí bán hàng

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên	199.977.711	115.513.368
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	768.319.336	884.000.048
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	207.393.188	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	14.766.666	14.766.666
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.394.690	74.688.826
Chi phí bằng tiền khác	388.012.501	137.737.939
Cộng	1.605.864.092	1.226.706.847

4.25. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	29.930.161.703	33.515.250.200
Hoàn nhập quỹ lương	(13.892.635.483)	(1.003.183.000)
Chi phí vật liệu quản lý	1.295.821.419	1.165.516.700
Chi phí đồ dùng văn phòng	634.733.882	381.055.493
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.390.257.921	3.634.233.748
Thuế, phí và lệ phí	864.784.801	778.556.127
Chi phí dự phòng	11.451.603	638.283.196
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.060.124.909	1.040.436.022
Chi phí bằng tiền khác	5.531.656.500	3.837.176.530
Cộng	28.826.357.255	43.987.325.016

Chi phí quản lý doanh nghiệp kỳ này giảm 34% so với kỳ trước nguyên nhân chủ yếu là do hoàn nhập quỹ lương. Công ty thực hiện trích quỹ lương theo doanh thu. Năm 2022, doanh thu tăng mạnh so với năm 2021, dẫn tới quỹ lương trích nhiều. Tuy nhiên, Công ty không sử dụng hết số quỹ lương trích nên đã hoàn nhập lại trong năm 2023 theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 06 năm 2015 của Bộ Tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.26. Thu nhập khác

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	2.701.856.076	454.408.745
Xử lý công nợ	3.833.897	43.152.699
Bán phế liệu	-	300.000.000
Nhập kho lại nguyên vật liệu do kiểm kê	436.363.520	-
Cộng	3.142.053.493	797.561.444

4.27. Chi phí khác

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Các khoản ủng hộ	295.000.000	200.000.000
Xử lý công nợ	5.971.499	4.004.477
Các khoản bị phạt	1.349.476.365	31.798.134
Các khoản chi phí khác	191.050	8.032.160
Cộng	1.650.638.914	243.834.771

4.28. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	221.616.369.312	243.467.791.060
Chi phí nhân công	57.592.427.748	70.530.483.777
Chi phí khấu hao tài sản cố định	35.277.936.221	30.505.211.865
Chi phí dịch vụ mua ngoài	54.485.869.065	54.996.646.323
Chi phí khác bằng tiền	19.231.682.553	16.684.466.540
Cộng	388.204.284.899	416.184.599.565

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.29. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành được xác định như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	113.802.048.188	74.656.519.411
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	2.178.157.426	758.818.083
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(27.326.602.904)	(12.675.245.550)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	88.653.602.710	62.740.091.944
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	17.730.720.542	12.548.018.389
Điều chỉnh thuế của năm trước	4.607.579.956	-
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	22.338.300.498	12.548.018.389

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là thu nhập, chi phí khi tính thuế như: Chi phí khấu hao xe ô tô vượt quá 1,6 tỷ và lợi nhuận từ công ty con...

4.30. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	60.000.000.000	27.685.916.384

4.31. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(27.918.368.315)	(17.685.916.384)

4.32. Thông tin về các bên liên quan

<u>Danh sách các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng	Công ty mẹ
2. Công ty TNHH Một Thành Viên Hiệp Thịnh Phát	Công ty con
3. Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	Công ty con
4. Công ty TNHH Một Thành Viên Bê Tông LBM Đắc Nông	Công ty con
5. Công ty TNHH MTV LBM Tân Phú	Công ty con
6. Công ty TNHH MTV LBM Lộc Sơn	Công ty con
7. Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng 40	Công ty cùng tập đoàn
8. HĐQT và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn:		
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng	1.754.264.342	3.807.269.827
Công ty TNHH Một Thành Viên Bê Tông LBM Đắc Nông	702.947.425	4.745.087.029
Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	637.272.211	133.319.000
Cộng – Xem thêm Mục 4.3	<u>3.094.483.978</u>	<u>8.685.675.856</u>
	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn:		
Ông Lê Cao Quang – Phó Tổng Giám đốc (*) Công ty TNHH Một Thành Viên Bê Tông LBM Đắc Nông (**)	4.512.000.000	4.512.000.000
	754.241.878	-
Cộng – Xem thêm Mục 4.4	<u>5.266.241.878</u>	<u>4.512.000.000</u>
(*) Đây là khoản tiền ứng trước cho ông Lê Cao Quang – Phó Tổng Giám đốc liên quan đến việc chuyển quyền sử dụng các Thửa đất số 124, 239, 289, 132, 114, 127, 126 tại địa chỉ ấp Phú Hợp B, xã Phú Bình, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai, với diện tích 9.129,8 m ² .		
(**) Đây là khoản tiền ứng trước cho Công ty TNHH Một Thành Viên Bê Tông LBM Đắc Nông để mua máy móc thiết bị theo Hợp đồng ký kết ngày 28 tháng 06 năm 2023.		
	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Phải thu cổ tức và lợi nhuận được chia:		
Công ty TNHH Một Thành Viên Hiệp Thịnh Phát	12.253.042.560	3.772.853.030
Công ty TNHH Một Thành Viên Bê Tông LBM Đắc Nông	10.296.529.532	9.909.842.801
Cộng – Xem thêm Mục 4.5	<u>22.549.572.092</u>	<u>13.682.695.831</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Tạm ứng:		
Ông Trần Văn Hiến – Phó Tổng giám đốc (*)	4.600.000.000	4.600.000.000
Ông Lê Nam Đồng – Phó Tổng giám đốc (**)	21.350.000.000	-
Ông Lê Thanh Hoà – Phó Tổng giám đốc (***)	12.000.000.000	-
Cộng – Xem thêm Mục 4.5	<u>37.950.000.000</u>	<u>4.600.000.000</u>

(*) Đây là khoản tiền tạm ứng cho Ông Trần Văn Hiến – Phó Tổng giám đốc liên quan đến việc đặt cọc mua đất tại Thửa đất số 19, Tờ bản đồ số 05, Thôn 2, xã Nhân Đạo, huyện Đăk R'lấp, tỉnh Đăk Nông với diện tích 3.990 m² theo Hợp đồng ký kết ngày 14 tháng 10 năm 2020; và tại Thôn 12, xã Nhân Cơ, huyện Đăk R'lấp, tỉnh Đăk Nông theo Hợp đồng ký kết ngày 28 tháng 02 năm 2022.

(**) Đây là khoản tiền tạm ứng cho Ông Lê Nam Đồng – Phó Tổng giám đốc liên quan đến việc mua những quyền sử dụng đất sau:

+ Quyền sử dụng đất tại Thửa đất số 28, Tờ bản đồ số 34, thôn Gắn Reo, xã Liên Hiệp, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng với diện tích 1.905 m² theo Hợp đồng ký kết ngày 30 tháng 03 năm 2023.

+ Quyền sử dụng đất tại thôn An Ninh (gần khu vực mỏ đá Tín Thái, Gắn Reo) với diện tích 900 m² theo Hợp đồng ký kết ngày 26 tháng 04 năm 2023.

+ Quyền sử dụng đất tại thôn An Hiệp, xã Liên Hiệp, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng theo Hợp đồng ký kết ngày 08 tháng 06 năm 2023.

+ Quyền sử dụng đất tại xã Liên Hiệp, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng với diện tích 1.000 m² theo Hợp đồng ký kết ngày 29 tháng 06 năm 2023.

(***) Đây là khoản tạm ứng cho Ông Lê Thanh Hoà – Phó Tổng giám đốc liên quan đến việc đặt cọc mua đất tại xã Liên Hiệp, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng với diện tích 29.000 m² theo Hợp đồng ký kết ngày 19 tháng 06 năm 2023.

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Phải trả cho người bán ngắn hạn:		
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng	(490.652.200)	(8.094.808.512)
Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	(64.631.381.772)	(62.256.113.505)
Công ty TNHH Một Thành Viên Hiệp Thịnh Phát	(18.698.631.208)	(8.856.560.621)
Công ty TNHH Một Thành Viên Bê Tông LBM Đăk Nông	-	(78.261.122)
Cộng – Xem thêm Mục 4.12	<u>(83.820.665.180)</u>	<u>(79.285.743.760)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ:		
Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng	8.622.093.406	8.190.453.451
Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	795.682.267	163.194.444
Công ty TNHH Một Thành Viên Hiệp Thịnh Phát	5.017.005.615	4.573.757.539
Công ty TNHH Một Thành Viên Bê Tông LBM Đắk Nông	4.032.181.209	3.558.982.179
Cộng – Xem thêm Mục 4.20	18.466.962.497	16.486.387.613
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Mua hàng và sử dụng dịch vụ:		
Công ty Cổ phần Đầu Tư Và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng	1.122.766.075	3.686.959.628
Công ty TNHH Một Thành Viên Hiệp Thịnh Phát	21.746.160.696	17.558.814.905
Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	12.428.425.698	11.778.524.368
Công ty TNHH Một Thành Viên Bê Tông LBM Đắk Nông	152.270.000	718.526.000
Cộng	35.449.622.469	33.742.824.901
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Cổ tức và lợi nhuận được chia:		
Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	2.973.300.000	2.963.300.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Hiệp Thịnh Phát	8.480.189.530	7.497.273.330
Công ty TNHH Một Thành Viên Bê Tông LBM Đắk Nông	1.919.677.458	2.214.672.220
Cộng – Xem thêm Mục 4.22	13.373.166.988	12.675.245.550
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Trả cổ tức:		
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng	24.662.326.800	6.490.086.000

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Góp vốn:		
Công ty TNHH MTV LBM Tân Phú	5.000.000	10.000.000
Công ty TNHH MTV LBM Lộc Sơn	210.000.000	-
Cộng	215.000.000	10.000.000

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan.

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận do Công ty công bố. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được hưởng trong kỳ như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Ông Lê Đình Hiền – Chủ tịch HĐQT	811.818.181	1.100.000.000
Ông Nguyễn An Thái – Phó chủ tịch HĐQT	330.909.091	660.000.000
Ông Hầu Văn Tuấn – Thành viên HĐQT	280.909.091	430.000.000
Ông Phạm Gia Sâm – Thành viên HĐQT	280.909.091	430.000.000
Ông Mai Nam Dương – Thành viên HĐQT	280.909.091	430.000.000
Ông Lê Văn Quý – Thành viên HĐQT	280.909.091	430.000.000
Ông Ngô Văn Minh – Thành viên HĐQT	280.909.091	430.000.000
Cộng	2.547.272.727	3.910.000.000

Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị giảm theo quyết định chi thù lao bổ sung năm 2022 tương ứng 5% (tỷ lệ kỳ trước là 10%) lợi nhuận tăng thêm so với kế hoạch do ĐHCĐ phê duyệt theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHCĐ-LBM ngày 22 tháng 04 năm 2023.

Thu nhập của từng thành viên Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Ông Nguyễn An Thái – Tổng Giám đốc	1.892.734.164	1.796.750.000
Ông Lê Cao Quang – Phó Tổng Giám đốc	954.950.000	797.750.000
Ông Nguyễn Quang Duyệt – Phó Tổng Giám đốc	954.950.000	745.950.000
Ông Trần Văn Hiến – Phó Tổng Giám đốc	954.950.000	797.750.000
Ông Nguyễn Thanh Toàn – Phó Tổng Giám đốc	797.416.667	675.650.000
Ông Lê Nam Đồng – Phó Tổng Giám đốc	899.483.333	700.050.000
Ông Lê Thanh Hòa – Phó Tổng Giám đốc	708.550.000	40.000.000
Ông Dương Thị Ngọc Ngân – Kế toán trưởng	788.150.000	378.450.000
Cộng	7.951.184.164	5.932.350.000

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Thu nhập của từng thành viên Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác tăng là do lợi nhuận kỳ này tăng dẫn đến quỹ lương kế hoạch dự kiến tăng.

Cổ tức đã chia cho từng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác trong kỳ như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Ông Lê Đình Hiền – Chủ tịch HĐQT	229.141.140	63.474.000
Ông Nguyễn An Thái – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	137.902.000	52.900.000
Ông Phạm Gia Sâm – Thành viên HĐQT	32.490.000	9.500.000
Ông Mai Nam Dương – Thành viên HĐQT	153.425.000	41.600.000
Ông Lê Cao Quang – Phó Tổng Giám đốc	121.953.020	24.682.000
Ông Nguyễn Quang Duyệt – Phó Tổng Giám đốc	32.490	9.000
Ông Trần Văn Hiến – Phó Tổng Giám đốc	10.830	3.000
Ông Nguyễn Thanh Toàn – Phó Tổng Giám đốc	15.770	2.000
Ông Lê Nam Đồng – Phó Tổng Giám đốc	5.415.000	1.106.000
Ông Lê Thanh Hòa – Phó Tổng Giám đốc	200.450.000	83.000.000
Bà Dương Thị Ngọc Ngân – Kế toán trưởng	2.831.000	600.000
Cộng	883.666.250	276.876.000

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.33. Thu nhập của Bộ phận Kiểm toán nội bộ**

Tiền lương và các chi phí hoạt động của từng thành viên Bộ phận Kiểm toán nội bộ trong kỳ như sau:

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Bà Nguyễn Thị Ngọc Đức – Trưởng Bộ phận Kiểm toán nội bộ	259.750.000	214.750.000
Ông Trần Quang Thực – Thành viên Bộ phận Kiểm toán nội bộ	183.750.000	141.750.000
Bà Huỳnh Thị Quế Hương – Thành viên Bộ phận Kiểm toán nội bộ	220.750.000	130.750.000
Cộng	<u>664.250.000</u>	<u>487.250.000</u>

4.34. Thu nhập của Ban kiểm soát

Tiền lương và các chi phí hoạt động của từng thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ như sau:

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Ông Phạm Hồng Hải - Trưởng Ban Kiểm soát	10.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Thành viên Ban Kiểm soát	128.909.091	168.000.000
Ông Trần Hùng Phương - Thành viên Ban Kiểm soát	128.909.091	168.000.000
Bà Lê Thị Thủy - Trưởng Ban Kiểm soát (miễn nhiệm từ 01/05/2023)	70.909.091	-
Cộng	<u>338.727.273</u>	<u>336.000.000</u>

Cổ tức đã chia cho từng thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ như sau:

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Ông Trần Hùng Phương – Thành viên Ban Kiểm soát	361.469.300	100.130.000

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.35. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính riêng này.

Phê duyệt



Nguyễn An Thái
Tổng Giám đốc

Người lập



Dương Thị Ngọc Ngân
Kê toán trưởng

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 08 năm 2023